

Tuần 08:**Tiết 16, 17, 18****ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (3 TIẾT)****I. MỤC TIÊU:****1. Về kiến thức:**

- Hệ thống các kiến thức đã học trong chương và cung cấp một số bài tập có nội dung tổng hợp, liên kết các kiến thức, kĩ năng đã học trong chương I.
- Rèn luyện năng lực toán học, nói riêng là năng lực mô hình hoá toán học và năng lực giải quyết vấn đề toán học.
- Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS.

2. Về năng lực: Phát triển cho HS:**- Năng lực chung:**

- + Năng lực tự học: HS hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà và hoạt động cá nhân trên lớp.
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh tiếp thu kiến thức, trao đổi học hỏi bạn bè thông qua việc thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động cặp đôi, nhóm; trao đổi giữa thầy và trò nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác.

- Năng lực đặc thù:

- + Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực tính toán: thông qua các bài tính toán, vận dụng các kỹ năng để áp dụng tính nhanh, tính nhẩm
- + Năng lực giao tiếp toán học: trao đổi với bạn học về phương pháp giải và báo cáo trước tập thể lớp.
- Học sinh biết vận dụng tính sáng tạo để giải quyết tình huống của từng bài toán cụ thể nhằm phát triển năng lực sáng tạo.

3. Về phẩm chất: bồi dưỡng cho HS các phẩm chất:

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập và nhiệm vụ được giao một cách tự giác, tích cực.
- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.
- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ và có chất lượng các hoạt động học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**- Thiết bị dạy học:**

- + **Về phía giáo viên:** bài soạn, tivi hoặc bảng phụ về nội dung bài ôn tập, bảng nhóm, phấn màu, máy soi bài.
- + **Về phía học sinh:** Dụng cụ học tập, sách giáo khoa, chuẩn bị bài trước khi đến lớp; vở ghi, phiếu bài tập.
- Học liệu: sách giáo khoa, sách bài tập, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ: NV1:Học sinh nhắc lại cách giải hệ phương trình bằng phương pháp thế NV2: Học sinh khác nghe và nhận xét</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Hoạt động cá nhân trả lời. - HS đứng tại chỗ trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả NV HS đứng tại chỗ phát biểu</p> <p>Bước 4: Đánh giá nhận xét kết quả - GV cho HS khác nhận xét câu trả lời và chốt lại kiến thức. - GV yêu cầu HS ghi chép kiến thức vào vở GV nhấn mạnh lại kiến thức cần nắm.</p>	<p>I. Nhắc lại lý thuyết.</p> <p>1) Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là phương pháp dùng quy tắc thế để biến đổi hệ phương trình thành hệ phương trình mới tương đương với phương trình đã cho. - Dùng quy tắc thế để biến đổi hệ phương trình đã cho để được một hệ phương trình mới trong đó có một phương trình một ẩn. - Giải phương trình một ẩn rồi suy ra nghiệm của hệ. <p>Chú ý: + Nên sử dụng khi hệ số của một trong hai biến có hệ số là 1. + Ta có thể thế nguyên của một biểu thức thay vì chỉ thế mỗi biến đơn.</p>

B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức về phương trình bậc hai để giải quyết các dạng toán.
- b) **Nội dung:** Các bài tập trong bài học
- c) **Sản phẩm:** Tìm được lời giải của bài toán
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ 1 - GV cho HS hoạt động cá nhân thực hiện bài 1</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc đề bài, vận dụng kiến thức đã học để giải toán.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả - 1 HS lên bảng giải bài 1 . - HS dưới lớp quan sát bạn làm và làm bài tập</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập.</p>	<p>II, Luyện tập</p> <p>Dạng 1. Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế</p> <p>Bài 1: Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế: $\begin{cases} x - 3y = 2 & 1 \\ -2x + 5y = 1 & 2 \end{cases}$</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Từ phương trình 1 của hệ ta có: $x = 3y + 2$ thay vào phương trình 2 , ta được $-2(3y + 2) + 5y = 1$ hay $-6y - 4 + 5y = 1$ suy ra $y = -5$ Từ đó $x = 3.(-5) + 2 = -13$ Vậy phương trình đã cho có nghiệm là $-13;5$</p>

<p style="text-align: center;">HD CỦA GV VÀ HS</p>	<p style="text-align: center;">SẢN PHẨM DỰ KIẾN</p>
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ 2 - GV cho HS hoạt động cá nhân thực hiện bài 2</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc đề bài, vận dụng kiến thức đã học để giải toán.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả - 3 HS lên bảng giải bài 2 . - HS dưới lớp quan sát bạn làm và làm bài tập</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét bài làm của HS - GV chốt kiến thức bài tập</p>	<p>Bài 2: Giải hệ phương trình sau bằng phương pháp thế:</p> <p>a, $\begin{cases} 3x + y = 3 \\ 2x - y = 7 \end{cases}$ b, $\begin{cases} x + 2y = 5 \\ 3x + 4y = 5 \end{cases}$</p> <p>c, $\begin{cases} 2x - y = 1 \\ x + y = 2 \end{cases}$</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>a, $\begin{cases} 3x + y = 3 \quad (1) \\ 2x - y = 7(2) \end{cases}$ Từ phương trình (1) ta thấy $y = 3 - 3x$ Thay vào phương trình (2) ta được $2x - (3 - 3x) = 7$ Hay $5x = 10$ suy ra $x = 2$ từ đó $y = 3 - 3.2 = -3$ Vậy hệ phương trình có nghiệm là $2; -3$</p> <p>b, $\begin{cases} x + 2y = 5(1) \\ 3x + 4y = 5(2) \end{cases}$ Từ phương trình (1) ta thấy $x = 5 - 2y$ Thay vào phương trình (2) ta được $3(5 - 2y) + 4y = 5$ Hay $-2y = -10$ suy ra $y = 5$ từ đó $x = 5 - 2.5 = -5$ Vậy hệ phương trình có nghiệm là $-5; 5$</p> <p>c, $\begin{cases} 2x - y = 1(1) \\ x + y = 2(2) \end{cases}$ Từ phương trình (1) ta thấy $y = 2x - 1$ Thay vào phương trình (2) ta được $x + 2x - 1 = 2$ Hay $3x = 3$ suy ra $x = 1$ từ đó $y = 2.1 - 1 = 1$ Vậy hệ phương trình có nghiệm là $1; 1$</p>
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ 3 - GV cho HS hoạt động cá nhân thực hiện bài 3</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>Bài 3. Giải hệ phương trình sau bằng phương pháp thế:</p> <p>a, $\begin{cases} x + y = 2 \\ 2x - y = 1 \end{cases}$</p>

HĐ CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- HS đọc đề bài, vận dụng kiến thức đã học để giải toán.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- 2 HS lên bảng giải bài 3.</p> <p>- HS dưới lớp quan sát bạn làm và làm bài tập</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét bài làm của HS – GV chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập.</p> <p>- GV lưu ý khi b chẵn dung công thức nghiệm thu gọn để giải phương trình.</p>	<p>b, $\begin{cases} 2x + y = 3 \\ x - y = 6 \end{cases}$</p> <p>c, $\begin{cases} 3x - y = 7 \\ x + y = 5 \end{cases}$</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>a, $\begin{cases} x + y = 2(1) \\ 2x - y = 1(2) \end{cases}$</p> <p>Từ phương trình (1) ta thấy $y = 2 - x$</p> <p>Thay vào phương trình (2) ta được $2x - (2 - x) = 1$</p> <p>Hay $3x = 3$ suy ra $x = 1$ từ đó $y = 2 - 1 = 1$</p> <p>Vậy hệ phương trình có nghiệm là 1;1</p> <p>b, $\begin{cases} 2x + y = 3(1) \\ x - y = 6(2) \end{cases}$</p> <p>Từ phương trình (1) ta thấy $y = 3 - 2x$</p> <p>Thay vào phương trình (2) ta được $x - (3 - 2x) = 6$</p> <p>Hay $3x = 3$ suy ra $x = 1$ từ đó $y = 3 - 2 \cdot 1 = 1$</p> <p>Vậy hệ phương trình có nghiệm là 1;1</p> <p>c, $\begin{cases} 3x - y = 7(1) \\ x + y = 5(2) \end{cases}$</p> <p>Từ phương trình (1) ta thấy $y = 3x - 7$</p> <p>Thay vào phương trình (2) ta được $x + 3x - 7 = 5$</p> <p>Hay $4x = 12$ suy ra $x = 3$ từ đó $y = 3 \cdot 3 - 7 = 2$</p> <p>Vậy hệ phương trình có nghiệm là 3;2</p>
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>NV1: Học sinh nhắc lại cách giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số</p> <p>NV2: Học sinh khác nghe và nhận xét</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Hoạt động cá nhân trả lời.</p>	<p>Dạng 2: Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số</p> <p>– Là phương pháp dùng quy tắc cộng hoặc trừ theo vế để biến đổi hệ phương trình thành hệ phương trình mới tương đương với phương trình đã cho.</p> <p>– Các bước biến đổi:</p>

HĐ CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- HS đứng tại chỗ trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>NV HS đứng tại chỗ phát biểu</p> <p>Bước 4: Đánh giá nhận xét kết quả</p> <p>- GV cho HS khác nhận xét câu trả lời và chốt lại kiến thức.</p> <p>- GV yêu cầu HS ghi chép kiến thức vào vở</p> <p>GV nhấn mạnh lại kiến thức cần nắm.</p>	<p>B1: Nhân thêm các hệ số để các hệ số của cùng 1 biến bằng nhau.</p> <p>B2: Cộng, Trừ theo vế hai phương trình ta được một phương trình mới.</p> <p>B3: Thay phương trình mới bằng 1 phương trình cũ rồi tìm nghiệm.</p>
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài 1.</p> <p>- HS hoạt động cá nhân làm bài tập</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc đề bài và thực hiện theo yêu cầu của GV.</p> <p>- HS lên bảng làm bài tập, HS dưới lớp làm vào vở ghi.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- HS trình bày trên bảng</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét bài làm của HS.</p>	<p>Bài 1: Giải hệ phương trình sau bằng phương pháp cộng đại số:</p> <p>a, $\begin{cases} 2x + 5y = 8 \\ 2x - 3y = 0 \end{cases}$ b,</p> <p>$\begin{cases} 2x + 2y = 9 \\ 2x - 3y = 4 \end{cases}$</p> <p>c, $\begin{cases} 2x - 3y = 7 \\ 3x + 2y = 4 \end{cases}$</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>a, $\begin{cases} 2x + 5y = 8 \\ 2x - 3y = 0 \end{cases}$</p> <p>Trừ từng vế hai phương trình ta được $(2x - 2x) + (5y + 3y) = 8$ hay $8y = 8$ suy ra $y = 1$</p> <p>Thế $y = 1$ vào phương trình thứ nhất ta được</p> $2x + 5.1 = 8 \text{ hay } 2x = 3 \text{ suy ra } x = \frac{3}{2}$ <p>Vậy hệ phương trình đã cho có nghiệm là $(\frac{3}{2}; 1)$</p> <p>b, $\begin{cases} 2x + 2y = 9 \\ 2x - 3y = 4 \end{cases}$</p> <p>Trừ từng vế hai phương trình ta được $(2x - 2x) + (2y + 3y) = 9 - 4$ hay $5y = 5$ suy ra $y = 1$</p> <p>Thế $y = 1$ vào phương trình thứ nhất ta được</p>

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
	$2x + 2.1 = 9 \text{ hay } 2x = 7 \text{ suy ra } x = \frac{7}{2}$ <p>Vậy hệ phương trình đã cho có nghiệm là $(\frac{7}{2}; 1)$</p> $c, \begin{cases} 2x - 3y = 7 \\ 3x + 2y = 4 \end{cases}$ <p>Nhân hai vế của phương trình thứ nhất với 3, và nhân hai vế của phương trình thứ hai với 2, ta được</p> $\begin{cases} 6x - 9y = 21 \\ 6x + 4y = 8 \end{cases} \text{ trừ từng vế hai phương}$ <p>trình của hệ mới ta được $-13x = 13$ suy ra $y = -1$ thế $y = -1$ vào phương trình thứ nhất của hệ đã cho $2x - 3.(-1) = 7$ hay</p> $2x = 4$ <p>Suy ra $x = 2$</p> <p>Vậy hệ phương trình đã cho có nghiệm là $(2; -1)$</p>

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài 1. - HS hoạt động cá nhân làm bài tập <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài và thực hiện theo yêu cầu của GV. - HS lần lượt lên bảng làm bài tập, HS dưới lớp làm vào vở ghi. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày trên bảng <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét bài làm của HS. 	<p>Dạng 3: Giải hệ phương trình bằng phương pháp đặt ẩn phụ</p> <p>Bài 1: Giải các hệ phương trình sau (<i>phương pháp đặt ẩn phụ</i>)</p> $a, \begin{cases} \frac{2}{x-2} + \frac{1}{y+1} = 3 \\ \frac{4}{x-2} - \frac{3}{y+1} = 1 \end{cases}$ $b, \begin{cases} \frac{1}{x-2} + \frac{1}{y-1} = 2 \\ \frac{2}{x-2} - \frac{3}{y-1} = 1 \end{cases}$ $c, \begin{cases} \frac{1}{x-1} - \frac{2}{y+3} = 7 \\ \frac{3}{x-1} + \frac{4}{y+3} = 1 \end{cases}$

HĐ CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
	<p>d, $\begin{cases} \frac{1}{x-3} - \frac{4}{y+1} = 5 \\ \frac{3}{x-3} + \frac{4}{y+1} = -1 \end{cases}$</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>a, $\begin{cases} \frac{2}{x-2} + \frac{1}{y+1} = 3 \\ \frac{4}{x-2} - \frac{3}{y+1} = 1 \end{cases} . \text{ĐK: } x \neq 2; y \neq -1$</p> <p>Đặt $\frac{1}{x-2} = a$ và $\frac{1}{y+1} = b$.</p> <p>Khi đó hệ phương trình thành $\begin{cases} 2a + b = 3 \\ 4a - 3b = 1 \end{cases} \quad I .$</p> <p>Giải hệ I ta được $\begin{cases} a = 1 \\ b = 1 \end{cases} .$</p> <p>Khi đó $\frac{1}{x-2} = 1 \Rightarrow x = 3$ (thỏa mãn)</p> <p>và $\frac{1}{y+1} = 1 \Rightarrow y = 0$ (thỏa mãn)</p> <p>Vậy hệ phương trình có nghiệm là $3; 0$</p> <p>b, $\begin{cases} \frac{1}{x-2} + \frac{1}{y-1} = 2 \\ \frac{2}{x-2} - \frac{3}{y-1} = 1 \end{cases} . \text{ĐK: } x \neq 2; y \neq 1 .$</p> <p>Đặt $\frac{1}{x-2} = a$ và $\frac{1}{y-1} = b$</p> <p>Khi đó hệ phương trình thành hệ $\begin{cases} a + b = 2 \\ 2a - 3b = 1 \end{cases} \quad I .$ Giải hệ I ta được</p> <p>$a = \frac{7}{5}$ và $b = \frac{3}{5}$.</p> <p>Khi đó $\frac{1}{x-2} = \frac{7}{5} \Rightarrow x = \frac{19}{7}$ (thỏa mãn) và</p> <p>$\frac{1}{y-1} = \frac{3}{5} \Rightarrow y = \frac{8}{3}$ (thỏa mãn).</p>

HĐ CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
	<p>Vậy hệ phương trình có nghiệm là $\left(\frac{19}{7}; \frac{8}{3}\right)$</p> <p>c, $\begin{cases} \frac{1}{x-1} - \frac{2}{y+3} = 7 \\ \frac{3}{x-1} + \frac{4}{y+3} = 1 \end{cases} . \text{ĐK: } x \neq 1; y \neq -3$</p> <p>Đặt $\frac{1}{x-1} = a$ và $\frac{1}{y+3} = b$.</p> <p>Khi đó hệ phương trình thành hệ</p> $\begin{cases} a - 2b = 7 \\ 3a + 4b = 1 \end{cases} \quad I . \text{Giải hệ } I \text{ ta được } \begin{cases} a = 3 \\ b = -2 \end{cases}$ <p>Khi đó $\frac{1}{x-1} = 3 \Rightarrow x = \frac{4}{3}$ (thỏa mãn) và</p> $\frac{1}{y+3} = -2 \Rightarrow y = \frac{-7}{2}$ (thỏa mãn). <p>Vậy hệ phương trình có nghiệm là $\left(\frac{4}{3}; \frac{-7}{2}\right)$</p> <p>d, $\begin{cases} \frac{1}{x-3} - \frac{4}{y+1} = 5 \\ \frac{3}{x-3} + \frac{4}{y+1} = -1 \end{cases} . \text{ĐK: } x \neq 3; y \neq -1 .$</p> <p>Đặt $\frac{1}{x-3} = a$ và $\frac{1}{y+1} = b$</p> <p>Khi đó hệ phương trình thành hệ</p> $\begin{cases} a - 4b = 5 \\ 3a + 4b = -1 \end{cases} \quad I . \text{Giải hệ } I \text{ ta được}$ $\begin{cases} a = 1 \\ b = -1 \end{cases} .$ <p>Khi đó $\frac{1}{x-3} = 1 \Rightarrow x = 4$ (thỏa mãn) và</p> $\frac{1}{y+1} = -1 \Rightarrow y = -2$ (thỏa mãn) <p>Vậy hệ phương trình có nghiệm là $4; -2$</p>
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài 2. - HS hoạt động cá nhân làm bài tập 	<p>Bài 2. Tìm giá trị của a và b để:</p> $\begin{cases} 3ax - b + 1 \quad y = 93 \\ bx + 4ay = -3 \end{cases}$

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài và thực hiện theo yêu cầu của GV. - HS lần lượt lên bảng làm bài tập, HS dưới lớp làm vào vở ghi. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày trên bảng <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét bài làm của HS. 	<p>có nghiệm $x; y = 1; -5$</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Ta thay $x = 1; y = -5$ vào hệ phương trình đã cho ta được $\begin{cases} 3a.1 - b + 1.(-5) = 93 \\ b.1 + 4a.(-5) = -3 \end{cases}$ hay $\begin{cases} 3a + 5b + 5 = 93 \\ b - 20a = -3 \end{cases}$</p> <p>hay $\begin{cases} 3a - 5b = 88 \\ -20a + b = -3 \end{cases}$ nhân phương trình thứ 2 của hệ mới với 5 ta được $\begin{cases} 3a + 5b = 88 \\ -100a + 5b = -15 \end{cases}$ giải hệ trên ta tìm được $a; b = 1; 17$</p>
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài 3. <p>Yêu cầu HS nêu định hướng giải của mỗi ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS hoạt động cá nhân làm bài tập <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài và thực hiện theo yêu cầu của GV. - HS lên bảng làm bài tập, HS dưới lớp làm vào vở ghi. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4 HS trình bày trên bảng <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét bài làm của HS. 	<p>Bài 3. Cho phương trình Tìm giá trị của a và b</p> <p>để: $\begin{cases} ax + by = 5 \\ 2ax - y = 5 \end{cases}$ có nghiệm $x; y = 1; 1$</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Ta thay $x = 1; y = 0$ vào hệ phương trình đã cho ta được $\begin{cases} a.1 + b.1 = 5 \\ 2a.1 - 1 = 5 \end{cases}$ giải hệ vừa tìm được ta được $a; b = 3; 2$</p>

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu học sinh nhắc lại kiến thức bài toán làm chung làm riêng <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại kiến thức. - GV. Hỗ trợ học sinh khi cần thiết 	<p>Dạng 3: Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.</p> <p>Bước 1: Lập hệ phương trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đặt ẩn và tìm điều kiện của ẩn (nếu có). + Biểu diễn các đại lượng chưa biết theo ẩn và các đại lượng đã biết.

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 3: Báo cáo kết quả - HS trình bày trên bảng, GV hệ thống trên bảng, hs ghi vào vở.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét.</p>	<p>+ Lập hệ phương trình biểu diễn tương quan giữa các đại lượng. Bước 2: Giải hệ phương trình. Bước 3: So sánh với điều kiện và kết luận. Nhận xét: Đối với bài toán hai người (hai đội) cùng làm chung - làm riêng để hoàn thành một công việc có hai đại lượng chính là năng suất của mỗi người (hoặc mỗi đội). Ta coi toàn bộ khối lượng công việc cần thực hiện là 1: + Năng suất công việc = 1/ thời gian + Năng suất chung = Tổng năng suất riêng</p> <p>1. Bài toán làm chung, làm riêng. + Nếu làm việc xong công việc trong x ngày. Thì 1 ngày làm được $\frac{1}{x}$ công việc .</p>
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV yêu cầu học sinh thực hiện bài 1</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện yêu cầu của giáo viên</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả - HS trình bày trên bảng</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét.</p>	<p>Bài 1. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình. Hai đội công nhân cùng làm việc và hoàn thành trong 24 giờ. Nếu đội thứ nhất làm 10 giờ, đội thứ hai làm 15 giờ, thì cả hai đội làm được một nửa công việc. Tính thời gian mỗi đội làm một mình để xong công việc.</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Gọi a, b lần lượt là số phần công việc mà đội I và đội II làm được trong 1h Vì 2 đội cùng làm việc thì hoàn thành công việc trong 24h nên trong 1h cả 2 đội làm được $\frac{1}{24}$ công việc, do đó ta có phương trình: $a + b = \frac{1}{24}$</p> <p>(1) Trong 10h, đội I làm được $10a$ phần công việc, trong 15h đội II làm được $15b$ phần công việc.</p> <p>Vì khi đó cả 2 đội làm được $\frac{1}{2}$ công việc nên ta có phương trình: $10a + 15b = \frac{1}{2}$ (2)</p>

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
	<p>Từ (1) và (2) Ta có được hệ phương trình:</p> $\begin{cases} \frac{1}{x} + \frac{1}{y} = \frac{5}{36} \\ \frac{4}{x} + \frac{3}{y} = \frac{1}{2} \end{cases}$ <p>Suy ra: $a = 40$ và $b = 60$ (thỏa mãn) Vậy đội I làm trong 40 giờ thì xong công việc, đội II làm trong 60 giờ thì xong công việc.</p>
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ 2 - GV cho HS nhắc lại lí thuyết về toán năng suất. - HS hoạt động cá nhân, theo dõi và nhận xét</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện theo yêu cầu của GV.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả - HS trình bày tại chỗ</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét bài làm của HS.</p>	<p>2. Bài toán năng suất + Năng suất làm việc là lượng công việc làm được trong một thời gian nhất định. + Công thức: . Trong đó: A là Khối lượng công việc. T là thời gian làm việc.</p>
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài 2. Yêu cầu HS nêu định hướng giải bài. - HS hoạt động cá nhân làm bài tập</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc đề bài và thực hiện theo yêu cầu của GV. - HS lên bảng làm bài tập, HS dưới lớp làm vào vở ghi.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả - HS trình bày trên bảng</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét bài làm của HS.</p>	<p>Bài 2. Hai người cùng làm một công việc trong 7 giờ 12 phút thì xong, nếu người thứ nhất làm trong 4 giờ, người thứ hai làm trong 3 giờ thì được 50% công việc. Hỏi mỗi người làm một mình thì bao lâu thì xong công việc?</p> <p>Giải.</p> <p>Đổi: 7 giờ 12 phút = $\frac{36}{5}$ giờ</p> <p>Gọi thời gian người thứ nhất làm một mình xong công việc là x giờ, $x > \frac{36}{5}$</p> <p>Gọi thời gian người thứ hai làm một mình xong công việc là y giờ, $y > \frac{36}{5}$ giờ</p> <p>Trong 1 giờ cả hai người làm được là:</p> $\frac{1}{x} + \frac{1}{y} = \frac{5}{36}$

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
	<p>Trong 4 giờ người thứ nhất và trong 3 giờ người thứ hai làm được là: $\frac{4}{x} + \frac{3}{y} = \frac{1}{2}$</p> <p>Ta có hệ phương trình $\begin{cases} \frac{1}{x} + \frac{1}{y} = \frac{5}{36} \\ \frac{4}{x} + \frac{3}{y} = \frac{1}{2} \end{cases}$</p> <p>Suy ra: $x = 12$ và $y = 18$ (thỏa mãn)</p> <p>Vậy người thứ nhất làm 12 giờ, người thứ hai làm 18 giờ thì xong công việc.</p>

Vận dụng: Bài tập trắc nghiệm.

Giáo viên phát phiếu bài tập trắc nghiệm.

HS làm theo nhóm bàn, nộp kết quả.

GV chữa nhanh một số bài tập.

Câu 1. Phương trình nào sau đây KHÔNG là phương trình bậc nhất hai ẩn?

- A. $x - 2y = 5$. B. $0x + 0y = -3$. C. $6x + 0y = 1$. D. $0x - 4y = 3$.

Câu 2. Phương trình $3x + y = -2$ có nghiệm là cặp số nào sau đây?

- A. 1; -5. B. -1; -1. C. 0; 2. D. 2; 4.

Câu 3. Phương trình nào sau đây nhận cặp số -2; 3 làm nghiệm?

- A. $2x + 3y = -5$. B. $2x - 3y = 5$. C. $-2x + 3y = 5$. D. $2x + 3y = 5$.

Câu 4. Cho hệ phương trình $\begin{cases} x - y = 8 \\ 2x + 3y = -9 \end{cases}$. Cho các khẳng định sau:

(i) Từ phương trình thứ nhất của hệ, biểu diễn y theo x ta được: $y = x - 8$.

(ii) Từ phương trình thứ nhất của hệ, biểu diễn x theo y ta được: $x = 8 - y$.

(iii) Nghiệm của hệ là cặp số 3; -5.

Số khẳng định đúng trong các khẳng định trên là

- A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 5. Cho hệ phương trình $\begin{cases} \frac{1}{2}x - \frac{1}{2}y = -1 \\ -3x + 3y = 5 \end{cases}$. Cho các khẳng định sau:

(i) Nhân phương trình thứ nhất của hệ với 6, rồi cộng với phương trình thứ hai ta được phương trình: $6y = -1$.

(ii) Nhân phương trình thứ nhất của hệ với 6, rồi cộng với phương trình thứ hai ta được phương trình: $0x = -1$.

(iii) Hệ phương trình đã cho vô nghiệm.

(iv) Hệ phương trình đã cho có nghiệm.

Số khẳng định đúng trong các khẳng định trên là

- A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 6. Biết rằng nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} 2x + y = 4 \\ 6x - 5y = -12 \end{cases}$ là $a; b$.

Giá trị của $T = 2a + 3b$ là

- A. 8. B. -8. C. 11. D. 10.

Câu 7. Biết rằng nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} -3x + y = 7 \\ 3x - 4y = -10 \end{cases}$ là $a; b$.

Giá trị của $T = a^3 + b^3$ là

- A. -7. B. 9. C. -9. D. 7.

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đ.A	B	A	D	C	C	D	A

Bài tập về nhà

Câu 1: Giải hệ phương trình sau

a, $\begin{cases} 3x = -2y - 5 \\ 5x + 3y = -5 \end{cases}$

b, $\begin{cases} 5x + 2 = 2y + 7 \\ 3x + y = 17 - x \end{cases}$

c, $\begin{cases} 3x + 1 - y = 6 - 2y \\ 2x - y = 7 \end{cases}$

c, $\begin{cases} \frac{1}{x+2} - \frac{5}{y-2} = -11 \\ \frac{3}{x+2} + \frac{2}{y-2} = 1 \end{cases}$

d, $\begin{cases} \frac{1}{x-2} + 3y + 3 = 7 \\ \frac{-3}{x-2} + 2y + 3 = 1 \end{cases}$

e, $\begin{cases} \frac{1}{2x-y} + x + 3y = \frac{3}{2} \\ \frac{4}{2x-y} - 5x + 3y = -3 \end{cases}$

Câu 2: Giải bài toán bằng cách lập phương trình

Một tổ sản xuất có kế hoạch làm 600 sản phẩm với năng suất dự định. Sau khi làm xong 400 sản phẩm, tổ sản xuất tăng năng suất lao động, mỗi ngày làm thêm được 10 sản phẩm nên hoàn thành sớm hơn kế hoạch 1 ngày. Hỏi theo kế hoạch mỗi ngày tổ sản xuất phải làm bao nhiêu sản phẩm

Câu 3: Hai đội công nhân làm chung một công việc và dự định 12 ngày thì hoàn thành xong. Nhưng khi làm chung được 8 ngày thì đội I được điều động đi làm việc khác. Đội II tiếp tục làm nốt phần việc còn lại, Khi làm một mình, do cải tiến cách làm nên năng suất đội II tăng gấp đôi, nên đội II đã hoàn thành xong phần việc còn lại trong 3,5 ngày. Hỏi với năng suất ban đầu, nếu mỗi đội làm một mình thì sau thời gian bao lâu sẽ hoàn thành công việc trên.